

MIGRATION IN THE MEKONG DELTA: CURRENT SITUATION AND SOLUTIONS

Ngo Thi Hai Yen

*Faculty of Geography, Hanoi National
University of Education, Hanoi city, Vietnam*

Coessponding author Ngo Thi Hai Yen,
e-mail: haiyen@hnue.edu.vn

Received February 6, 2025.

Revised February 20, 2025.

Accepted February 21, 2025.

DI CƯ Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

Ngô Thị Hải Yến

*Khoa Địa lí, Trường Đại học Sư phạm Hà
Nội, thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Tác giả liên hệ: Ngô Thị Hải Yến,
e-mail: haiyen@hnue.edu.vn

Ngày nhận bài: 6/2/2025.

Ngày sửa bài: 20/2/2025.

Ngày nhận đăng: 21/2/2025.

Abstract. The Mekong Delta is the largest agricultural production center in Vietnam; however, it has consistently experienced a negative net migration rate in recent years, greatly affecting the region's socio-economic development. This study analyzes the current state of migration, identifies its driving forces, and proposes solutions to mitigate outward migration. The analysis reveals that low income, lack of stable job opportunities, climate change pressures and infrastructure inadequacies are the key drivers of increasing migration. Based on these findings, the study suggests solutions to reduce outward migration from the region include economic development, local job creation, adaptation to climate change, improved water resource management, enhanced the quality of education and vocational training, infrastructure development, and improving healthcare and social welfare system.

Keywords: migration, Mekong Delta, climate change.

Tóm tắt. Vùng Đồng bằng sông Cửu Long là trung tâm sản xuất nông nghiệp lớn nhất cả nước nhưng luôn có tỉ suất di cư thuần âm trong những năm gần đây. Điều này đã ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm phân tích thực trạng di cư và các động lực thúc đẩy di cư để từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm hạn chế tình trạng di cư ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Kết quả phân tích cho thấy, thu nhập thấp và thiếu cơ hội việc làm ổn định, áp lực từ biến đổi khí hậu, suy giảm tài nguyên, những bất cập về cơ sở hạ tầng là những nguyên nhân dẫn đến số người ở đây di cư ngày càng tăng lên. Các giải pháp được đề xuất để giảm thiểu dòng người di cư ra ngoài vùng như phát triển kinh tế, tạo việc làm tại chỗ; thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng cao năng lực quản lý tài nguyên nước; cải thiện chất lượng giáo dục và đào tạo nghề; phát triển hạ tầng giao thông và đô thị; nâng cao chất lượng y tế và phúc lợi xã hội.

Từ khóa: di cư, đồng bằng sông Cửu Long, biến đổi khí hậu.

1. Mở đầu

Di cư là một hiện tượng kinh tế - xã hội có tính đa chiều. Theo Bhugra (2004), di cư là quá trình thay đổi địa điểm cư trú của cá nhân nhằm tìm kiếm cơ hội học tập, việc làm tốt hơn và cải thiện chất lượng cuộc sống [1]. Quyết định di cư thường không chỉ đơn thuần là phản ứng với hoàn cảnh kinh tế khó khăn mà còn là sự lựa chọn chủ động dựa trên nguyện vọng cá nhân, mong muốn đạt được những giá trị sống cao hơn [2, 3]. Di cư được xem là một giải pháp hữu hiệu trong

công cuộc giảm nghèo và tạo điều kiện phát triển đồng đều cho xã hội [4]. Tuy nhiên, nếu hiện tượng di cư thuần âm diễn ra trong một giai đoạn kéo dài sẽ dẫn đến cơ cấu lao động bị thay đổi, làm giảm đi lực lượng lao động của địa phương, dẫn đến tình trạng khan hiếm lao động, gây khó khăn cho sự phát triển toàn diện của các vùng lãnh thổ.

Vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) bao gồm toàn bộ địa giới hành chính của thành phố Cần Thơ và 12 tỉnh: Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Trà Vinh, Hậu Giang, An Giang, Sóc Trăng, Kiên Giang, Bạc Liêu và Cà Mau. Toàn vùng có diện tích 40,6 nghìn km² với dân số 17,7 triệu người, lần lượt chiếm 12,8% diện tích và 17,9% dân số cả nước [5]. Đây là vùng có vị trí địa lý và kinh tế chiến lược, hội tụ nhiều yếu tố thuận lợi để trở thành trung tâm kinh tế trọng điểm của khu vực và cả nước. Tuy nhiên, chuyển đổi cơ cấu kinh tế tại đây chưa đạt đến mức đủ để giải quyết lực lượng lao động dư thừa từ ngành nông nghiệp, khả năng thu hút đầu tư cho các hoạt động sản xuất và kinh doanh còn hạn chế dẫn đến gia tăng áp lực di cư [6]. Theo số liệu của Tổng cục thống kê (2023), trong giai đoạn 2018 - 2022, vùng ĐBSCL liên tục có luồng di cư thuần âm [5]. Nếu không có các giải pháp kịp thời và hiệu quả, tình trạng này có thể gây ra những hậu quả nghiêm trọng đối với phát triển kinh tế và đảm bảo an sinh xã hội của vùng. Vì vậy, nghiên cứu này được thực hiện nhằm phân tích động lực của hiện tượng di cư ở vùng ĐBSCL, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm ổn định cơ cấu dân số, cơ cấu lao động và hạn chế số lượng người di cư khỏi vùng.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này áp dụng phương pháp nghiên cứu tại bàn để phân tích các tài liệu, lý thuyết và cơ sở dữ liệu liên quan đến điều kiện kinh tế - xã hội cũng như sự biến động di cư tại vùng ĐBSCL. Kết quả thu được từ quá trình này giúp làm sáng tỏ các động lực và thực trạng di cư trong khu vực, là cơ sở tin cậy để đề xuất các giải pháp hạn chế tình trạng di cư tại vùng trong thời gian tới.

2.1.1. Dữ liệu

Dữ liệu trong bài báo được xử lý, phân tích và tổng hợp từ những nguồn tài liệu thứ cấp của Tổng cục Thống kê, Ngân hàng Thế giới cùng với một số thông tin được thu thập qua quá trình tác giả đi thực tế, khảo sát ở địa bàn nghiên cứu.

2.1.2. Phương pháp nghiên cứu

Để có các kết quả nghiên cứu trong bài báo, tác giả đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu đặc thù của địa lý học. Các phương pháp đó là:

- *Phương pháp thu thập và xử lý tài liệu*: từ những số liệu, tài liệu thu thập được liên quan đến vấn đề nghiên cứu, tác giả lựa chọn những tài liệu, số liệu cần thiết bổ sung thêm những dữ liệu từ những nguồn tư liệu tin cậy.

- *Phương pháp phân tích, so sánh, tổng hợp*: trên cơ sở các dữ liệu đã được xử lý, tác giả phân tích, so sánh tỉ suất di cư thuần giữa vùng ĐBSCL với cả nước, giữa các địa phương trong vùng để từ đó làm rõ hiện trạng di cư ở địa bàn nghiên cứu.

- *Phương pháp thực địa*: tác giả tiến hành khảo sát và phỏng vấn nhanh ở một số địa điểm thuộc tỉnh An Giang, Cần Thơ và Hậu Giang để làm rõ thêm động lực của quá trình di cư ở vùng ĐBSCL.

- *Phương pháp chuyên gia*: tác giả tham khảo ý kiến chuyên gia ở địa phương để đưa ra những giải pháp hạn chế tình trạng di cư đang diễn ra ở vùng ĐBSCL.

2.2. Kết quả nghiên cứu

2.2.1. Thực trạng di cư tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long

Báo cáo Kinh tế thường niên vùng ĐBSCL năm 2020 do Phòng Thương mại và Công nghiệp

Việt Nam (VCCI) và Trường Chính sách Công và Quản lý Fulbright cho thấy, tình trạng di cư đang là vấn đề khá nghiêm trọng. Giai đoạn 2009 - 2019, “số người di cư ròng trong thập niên vừa qua tương đương với số tăng dân số tự nhiên của cả vùng. Con số ước tính là gần 1,1 triệu người và gần tương đương với dân số một tỉnh của vùng” [7]. Kết quả phân tích số liệu từ Điều tra Dân số và Nhà ở và số liệu thống kê di cư của Tổng cục thống kê cho thấy vùng ĐBSCL là vùng xuất cư cao nhất cả nước, với 724,8 nghìn người (2023). Phần lớn người di cư từ vùng ĐBSCL chọn vùng Đông Nam Bộ (cùng với vùng Đồng bằng sông Hồng là 2 vùng kinh tế động lực của cả nước) làm điểm đến chính. Trong giai đoạn 2019-2024, có khoảng 353,1 nghìn người từ vùng ĐBSCL di cư đến vùng Đông Nam Bộ, chiếm 57,4% tổng số người nhập cư vào vùng này [7]. Nguyên nhân chủ yếu của tình trạng di cư của vùng được xác định là do thất nghiệp và thiếu việc làm. Ngoài ra, biến đổi khí hậu và các vấn đề môi trường cũng đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy người dân di cư. Vùng ĐBSCL là một trong những khu vực dễ bị tổn thương nhất bởi biến đổi khí hậu với các hiện tượng như xâm nhập mặn, sạt lở bờ sông và lũ lụt thường xuyên xảy ra. Đây là nguyên nhân ảnh hưởng nghiêm trọng đến sinh kế của người dân, góp phần thúc đẩy tình trạng di cư của vùng [8].

Các địa phương trong vùng có tỉ suất di cư không đồng đều. 2/13 tỉnh trong vùng có tỉ suất di cư thuần dương (Long An và TP. Cần Thơ), các tỉnh còn lại có mức di cư thuần âm, nhiều địa phương trong vùng có tỉ lệ xuất cư cao nhất cả nước (Bảng 1). Các tỉnh có mức di cư thuần dương có bình quân thu nhập người/ tháng cao hơn các tỉnh có mức di cư thuần âm (trung bình là 8 triệu/ tháng và 6,7 triệu đồng/ tháng) [4]. Theo báo cáo của Bộ Tài nguyên và Môi trường (2022), tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long, các tỉnh chịu tác động nặng nề nhất từ biến đổi khí hậu bao gồm An Giang, Kiên Giang, Hậu Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu và Cà Mau, sau đó là Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long, Đồng Tháp và Cần Thơ [9]. Kết quả phân tích các chỉ số kinh tế - xã hội liên quan đến mức độ tác động của biến đổi khí hậu cho thấy những tỉnh bị ảnh hưởng nghiêm trọng thường có tỉ suất di cư thuần âm, trong khi các tỉnh ít chịu tác động hơn lại có tỉ suất di cư thuần dương.

Bảng 1. Tỉ suất di cư thuần của vùng ĐBSCL giai đoạn 2010 – 2022 (%)

Địa phương	2010	2015	2020	2022
Long An	- 3,5	- 2,0	1,12	1,71
Tiền Giang	- 0,2	-1,0	- 3,4	- 0,1
Bến Tre	- 12,9	- 3,7	- 10,3	- 0,1
Trà Vinh	- 4,1	- 2,7	- 21,5	- 9,2
Vĩnh Long	- 13,4	- 5,2	-7,3	- 1,5
Đồng Tháp	- 6,6	- 7,3	-7,7	- 7,2
An Giang	- 8,3	- 9,6	- 16,2	- 8,3
Kiên Giang	- 8,7	- 7,9	- 11,1	- 2,1
Cần Thơ	-1,7	- 4,6	- 2,2	11,2
Hậu Giang	- 6,9	- 4,2	- 23,8	- 2,0
Sóc Trăng	- 9,9	- 5,2	-19,3	- 14,5
Bạc Liêu	- 10,6	- 6,3	-13,3	- 6,1
Cà Mau	- 27,2	- 7,2	- 15,2	-1 2,3
Toàn vùng	- 8,4	-5,4	- 10,5	- 3,77

(Nguồn: [5,9])

Trong giai đoạn 2009 - 2019, luồng di cư từ nông thôn đến nông thôn ở vùng ĐBSCL luôn duy trì ở mức cao, chiếm 44,8% năm 2009 và 44,0% năm 2019, cao hơn so với mức trung bình của cả nước (Bảng 2). Điều này cho thấy di cư trong vùng không chỉ từ các vùng nông thôn đến các đô thị tìm kiếm việc làm mà còn do các nguyên nhân khác liên quan đến hoạt động sản xuất nông nghiệp như biến đổi khí hậu, sạt lở đất, lũ lụt, thay đổi trong cơ cấu sử dụng đất hoặc điều kiện sống. Tình trạng mất đất sản xuất, suy giảm nguồn tài nguyên thiên nhiên (nguồn lợi thủy sản, phù sa...) và tác động của nước biển dâng có thể khiến người dân buộc phải di chuyển đến các khu vực khác trong vùng để tìm kiếm môi trường sống và sản xuất nông nghiệp phù hợp hơn. Đây là một đặc điểm khác biệt về nguyên nhân di cư của người dân vùng ĐBSCL so với các vùng khác, những nơi mà di cư nông thôn - nông thôn thường ít phổ biến hơn.

Bảng 2. Tỷ lệ các luồng di cư của vùng ĐBSCL so với cả nước năm 2009 và 2019 (%)

Luồng di cư	Cả nước		Vùng ĐBSCL	
	2009	2019	2009	2019
Nông thôn - Nông thôn	33,8	26,4	44,8	44,0
Nông thôn - Thành thị	31,4	27,5	25,8	20,6
Thành thị - Nông thôn	8,4	9,6	11,6	15,5
Thành thị - Thành thị	26,4	36,5	17,9	19,9
Nội vùng	53,9	69,2	73,0	79,4
Ngoại vùng	46,1	30,8	27,0	20,6

(Nguồn: [4,10])

Trong số liệu về di cư của vùng ĐBSCL năm 2009 và 2019 cho thấy di cư nội vùng là xu hướng chủ đạo, với tỉ lệ tăng từ 73,0% năm 2009 lên 79,4% năm 2019. Tình trạng di cư nội vùng ở vùng ĐBSCL chủ yếu do khoảng cách địa lý gần, chi phí di cư thấp và khả năng thích nghi dễ dàng. Người dân di chuyển giữa các tỉnh để tìm kiếm cơ hội kinh tế tốt hơn, đặc biệt là đến các địa phương có tốc độ phát triển cao như Cần Thơ, Long An, Tiền Giang. Do trình độ chuyên môn của lao động trong vùng chủ yếu là phổ thông nên họ có xu hướng tìm việc trong các ngành phù hợp như nông nghiệp, chế biến thủy sản thay vì di cư xa. Bên cạnh đó, sự gắn kết văn hóa - xã hội và nhu cầu duy trì mối quan hệ gia đình cũng khiến người dân ưu tiên di cư nội vùng hơn là đến các khu vực xa lạ. Ngoài ra, tác động của biến đổi khí hậu như xâm nhập mặn, sạt lở đất buộc một bộ phận dân cư phải rời khỏi các khu vực bị ảnh hưởng nghiêm trọng để đến những nơi có điều kiện sống ổn định hơn trong cùng vùng. Nhìn chung, xu hướng này phản ánh sự dịch chuyển lao động mang tính thích nghi với điều kiện tự nhiên và kinh tế của khu vực.

Tỉ lệ di cư ra ngoài vùng cao hơn mức trung bình của cả nước nhưng đã giảm trong những năm gần đây do một số địa phương trong vùng đang mở rộng các ngành công nghiệp chế biến, thủy sản, du lịch và dịch vụ. Bên cạnh đó, các chính sách hỗ trợ người lao động tại địa phương, như đầu tư vào cơ sở hạ tầng, đào tạo nghề cũng góp phần giữ chân lao động. Tuy nhiên, tỉ lệ di cư ngoại vùng vẫn tương đối cao, cho thấy vẫn còn một bộ phận đáng kể người dân di cư đến các khu vực khác để tìm kiếm cơ hội phát triển tốt hơn, đặc biệt là lao động trẻ di cư đến các đô thị lớn như TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai.

2.3. Giải pháp hạn chế tình trạng di cư tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long

Tình trạng xuất cư liên tục có thể dẫn đến thiếu hụt lao động cho vùng ĐBSCL, ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và các hoạt động kinh tế khác. Ngoài ra, tỉ suất di cư ngoại vùng cao có thể gây ra các vấn đề xã hội khác. Do đó, để hạn chế di cư, góp phần ổn định về nguồn lao động, thúc đẩy phát triển bền vững, vùng ĐBSCL cần tập trung thực hiện các giải pháp sau:

Thứ nhất, phát triển kinh tế, tạo việc làm tại chỗ

Một trong những nguyên nhân chính của tình trạng di cư là thiếu việc làm và thu nhập không ổn định. Do đó, cần đẩy mạnh thu hút đầu tư vào công nghiệp chế biến, logistics, năng lượng tái tạo và du lịch sinh thái để tạo thêm nhiều việc làm tại chỗ. Chính phủ nên có chính sách ưu đãi về thuế, đất đai để khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào khu vực, đặc biệt là các ngành có lợi thế như chế biến thủy sản, nông sản, năng lượng gió và mặt trời. Ngoài ra, cần khuyến khích phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ, hợp tác xã để tạo điều kiện cho người dân khởi nghiệp và mở rộng sản xuất kinh doanh trong khu vực.

Thứ hai, thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng cao năng lực quản lý tài nguyên nước

Biến đổi khí hậu là một trong những nguyên nhân quan trọng khiến người dân rời bỏ quê hương. Cần tăng cường các giải pháp công trình và phi công trình nhằm bảo vệ đất canh tác, đảm bảo sinh kế bền vững cho người dân. Các dự án xây dựng đê bao, cống ngăn mặn, trữ nước ngọt cần được đầu tư mạnh mẽ để giảm thiểu tác động của xâm nhập mặn và hạn hán. Đồng thời, cần áp dụng các mô hình canh tác thích ứng như luân canh lúa - tôm, nuôi trồng thủy sản kết hợp, trồng cây chịu mặn nhằm tối ưu hóa sản xuất trong điều kiện biến đổi khí hậu.

Thứ ba, cải thiện chất lượng giáo dục và đào tạo nghề

Nâng cao trình độ lao động là chìa khóa giúp giữ chân người dân ở lại địa phương. Các chương trình đào tạo nghề cần được đổi mới, gắn với nhu cầu thị trường lao động và các ngành công nghiệp tại chỗ. Chính quyền địa phương cần hợp tác với các doanh nghiệp để đào tạo lao động có tay nghề cao trong các lĩnh vực như công nghệ thực phẩm, cơ khí nông nghiệp, du lịch và dịch vụ. Đồng thời, hệ thống giáo dục đại học và dạy nghề trong vùng cần được nâng cấp, khuyến khích sinh viên học tập và làm việc tại địa phương thay vì di cư ra ngoài vùng.

Thứ tư, phát triển hạ tầng giao thông và đô thị

Hệ thống giao thông kém phát triển là rào cản lớn đối với sự phát triển kinh tế của vùng ĐBSCL. Cần đẩy nhanh các dự án trọng điểm như cao tốc TP.HCM - Cần Thơ - Cà Mau, cầu Mỹ Thuận 2, cầu Rạch Miễu 2 và nâng cấp các tuyến quốc lộ để kết nối thuận lợi giữa các tỉnh và với các trung tâm kinh tế lớn. Đồng thời, cần phát triển các đô thị trung tâm như Cần Thơ, Long Xuyên, Mỹ Tho thành các trung tâm kinh tế - dịch vụ, tạo ra môi trường sống hiện đại và hấp dẫn, giảm áp lực di cư lên TP.HCM và các tỉnh Đông Nam Bộ.

Thứ năm, nâng cao chất lượng dịch vụ y tế và phúc lợi xã hội

Chất lượng dịch vụ y tế, an sinh xã hội và môi trường sống là yếu tố quan trọng giúp giữ chân dân cư. Cần đầu tư nâng cấp các bệnh viện, trung tâm y tế cấp tỉnh, huyện để đảm bảo người dân được tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe chất lượng ngay tại địa phương. Bên cạnh đó, cần có các chính sách hỗ trợ nhà ở, phúc lợi xã hội như bảo hiểm y tế, trợ cấp hộ nghèo để nâng cao chất lượng cuộc sống, giúp người dân yên tâm sinh sống và làm việc tại quê hương.

3. Kết luận

Di cư là một hiện tượng kinh tế - xã hội phổ biến trong quá trình phát triển, mang lại cả cơ hội lẫn thách thức cho các vùng lãnh thổ. Đồng bằng sông Cửu Long hiện là vùng có tỉ suất di cư thuần âm cao nhất cả nước mà nguyên nhân chủ yếu do những hạn chế về cơ hội việc làm, tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu, hệ thống hạ tầng chưa đồng bộ và chất lượng dịch vụ xã hội chưa đáp ứng nhu cầu người dân. Để giảm thiểu tình trạng này và hướng đến phát triển bền vững, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp, bao gồm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế tại chỗ, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, cải thiện chất lượng giáo dục và đào tạo nghề, phát triển hạ tầng giao thông – đô thị, đồng thời nâng cao chất lượng dịch vụ y tế và phúc lợi xã hội. Việc triển khai hiệu quả các chính sách này không chỉ giúp ổn định dân số mà còn tạo động lực cho sự phát triển bền vững của vùng trong bối cảnh hội nhập kinh tế và biến đổi khí hậu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bhugra D, (2004). Migration and mental health. *Acta Psychiatrica Scandinavica*, 109(4), 243–258.
- [2] Nguyen TT, Nguyen VM & Le QT, (2020). Migration and socio-economic mobility in Vietnam: Evidence from internal migration. *Journal of Migration Studies*, 15(2), 123–145.
- [3] Tran AD, Le HP & Pham TQ, (2021). Internal migration and life opportunities in Vietnam: A critical analysis. *Migration Research Review*, 12(3), 300–320.
- [4] Viện Phát triển Bền vững (Đại học Kinh tế Quốc dân) và Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc tại Việt Nam (2024). *Di cư nội địa ở Đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long: Vấn đề hiện nay và hàm ý chính sách*.
- [5] Tổng cục thống kê (2024), Niên giám thống kê Việt Nam. NXB Thống kê.
- [6] PN Hòa, (2022). Giải quyết vấn đề di cư lao động ở vùng đồng bằng sông Cửu Long hiện nay, *Tạp chí Lao động và Công đoàn điện tử*, ngày 6-3-2022, <https://laodongcongdoan.vn/giai-quyet-van-de-di-cu-lao-dong-o-vung-dong-bang-song-cuu-long-hien-nay-74726.html>
- [7] VCCI & Fulbright, (2020). *Báo cáo Kinh tế thường niên đồng bằng Sông Cửu Long 2020: Nâng cao năng lực cạnh tranh để phát triển bền vững*. NXB Đại học Cần Thơ.
- [8] Tổ chức Di cư Quốc tế, (2016). Thích nghi với biến đổi khí hậu thông qua di cư: Một nghiên cứu về trường hợp vùng Đồng bằng sông Cửu long.
- [9] Bộ Tài nguyên và Môi trường, (2022). Báo cáo Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050.
- [10] Tổng cục Thống kê, (2016). *Thông cáo báo chí về kết quả điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2014*, Nxb Thông tấn.
- [11] Tổng cục Thống kê, (2025). *Thông cáo báo chí về kết quả điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2024*.